

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ 2026 - ĐỢT 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lâm Đồng, ngày 07 tháng 7 năm 2026

KẾT QUẢ THI, XÉT TUYỂN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026 - ĐỢT 1

1. NGÀNH: TOÁN GIẢI TÍCH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261001	Nguyễn Lê Hoàng	24/12/2002	Nữ	6.76	77.00	
2	261002	Võ Đức	01/05/2003	Nam	8.06	77.00	
3	261003	Đặng Hoàng Phương	01/12/2003	Nam	6.50	83.00	
4	261004	Hoàng Hồng	08/12/1998	Nam	7.79	73.00	

2. NGÀNH: VẬT LÝ KỸ THUẬT

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261005	Nguyễn Tài	01/02/1981	Nam	5.74	69.50	
2	261006	Chu Quốc	08/09/2000	Nam	7.05	55.00	
3	261007	Trần Văn	28/04/1999	Nam	7.10	67.00	
4	261008	Lê Thảo Hương	07/04/1996	Nữ	8.00	Miễn Thi	
5	261009	Lê Vũ	12/12/1986	Nam	6.85	Miễn Thi	
6	261010	Ngô Đình	10/11/1999	Nam	7.25	78.00	

3. NGÀNH: HÓA PHÂN TÍCH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261011	Đỗ Văn	06/11/1989	Nam	6.94	73.00	
2	261012	Trần Nguyễn Ngọc	28/10/2003	Nữ	8.22	Miễn Thi	
3	261013	Hoàng Thị	22/04/1993	Nữ	7.43	90.00	
4	261014	Tương Tuấn	13/11/2002	Nam	7.77	Miễn Thi	
5	261015	Nguyễn Thị Khánh	30/07/2003	Nữ	8.53	86.00	

6	261016	Hoàng Ngọc	Phuong	03/05/2004	Nam	8.35	Miễn Thi	
7	261017	Trần Xuân	Thảo	11/02/2002	Nữ	8.00	Miễn Thi	

4. NGÀNH: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261018	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	6.78	Miễn Thi	
2	261019	Vũ Thị	Châu	Nữ	8.37	93.00	
3	261020	Phan Thành	Đăng	Nam	8.67	87.00	
4	261021	Bùi Minh	Dùng	Nam	6.53	69.00	
5	261022	Phạm Thị Thủy	Hàng	Nữ	8.29	73.00	
6	261023	Lê Nhật	Hung	Nam	6.95	72.50	
7	261024	Võ Thị Ngọc	Nga	Nữ	8.34	80.00	
8	261025	Hồ Tấn	Phát	Nam	6.90	65.00	
9	261026	Trương Quý	Phụng	Nam	8.21	Miễn Thi	
10	261027	Lê Thị Thanh	Phuong	Nữ	8.20	73.00	
11	261028	Trần Văn Phước	Sang	Nam	6.23	Vắng thi	
12	261029	Cao Văn Long	Thành	Nam	5.95	57.00	
13	261030	Lê Thị	Thơ	Nữ	7.32	76.00	

5. NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261031	Trịnh Thị Lan	Anh	Nữ	8.00	Miễn Thi	
2	261032	Tạ Nguyễn Minh	Anh	Nữ	7.43	Miễn Thi	
3	261033	Nguyễn Thuý	Duyên	Nữ	7.01	73.00	
4	261034	Dương Thị Quốc	Hành	Nữ	7.40	75.00	
5	261035	Trương Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	7.86	Miễn Thi	
6	261036	Phạm Thị	Hồng	Nữ	6.60	71.00	
7	261037	Bùi Văn	Hồng	Nam	5.94	63.00	
8	261038	Đặng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	7.83	Miễn Thi	
9	261039	Lê Bùi Thảo	Linh	Nữ	7.88	Miễn Thi	
10	261040	Lê Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	7.30	73.00	

11	261041	Hoàng Trung	Thành	04/12/2003	Nam	7.95	Miễn Thi	
12	261042	Lê Thị	Trang	20/11/1994	Nữ	7.47	65.00	
13	261043	Phạm Trần Hà	Trang	07/08/2003	Nữ	8.58	Miễn Thi	
14	261044	Trần Thị Thanh	Tuyền	06/09/2003	Nữ	7.34	Miễn Thi	
15	261045	Hoàng Phi	Yến	30/11/2003	Nữ	7.68	Miễn Thi	
16	261046	Nguyễn Thị	Trang	10/10/1983	Nữ	6.73	65.00	

6. NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM

STT	SỐ BẢO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261047	Tôn Nữ Mỹ	16/12/1997	Nữ	8.50	59.00	
2	261048	Trần Hoài	28/09/2003	Nam	7.92	60.00	
3	261049	Phùng Thanh	12/05/2003	Nữ	7.94	Miễn Thi	
4	261050	Phan Đỗ Thùy	24/12/2003	Nữ	7.86	Miễn Thi	

6. NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SỐ BẢO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261064	Đặng Trường	29/08/2000	Nam	7.06	75.00	
2	261065	Đinh Hoàng Nhật	08/01/2003	Nữ	8.10	Miễn Thi	
3	261066	Phạm Nguyễn Phương	18/04/1999	Nữ	7.66	83.00	
4	261067	Trần Thị Phương	10/06/2001	Nữ	9.01	50.00	
5	261068	Nguyễn Quỳnh	15/09/2002	Nữ	7.43	Miễn Thi	
6	261069	Nguyễn Trường	10/09/1999	Nam	7.29	75.00	
7	261070	Đinh Thị	27/11/1991	Nữ	6.31	69.00	
8	261071	Bùi Gia	23/07/1991	Nữ	6.30	65.00	
9	261072	Huỳnh Việt	20/06/1998	Nam	8.60	76.00	
10	261073	Bùi Thị Thu	17/10/2003	Nữ	7.56	Miễn Thi	
11	261074	Nguyễn Văn	15/10/1995	Nam	7.26	77.00	
12	261075	Nguyễn Khánh	10/04/1997	Nữ	8.38	60.50	
13	261076	Phan Thị Hồng	10/01/1992	Nữ	7.50	78.00	
14	261077	Nguyễn Ngọc Trà	13/05/1994	Nữ	8.06	69.00	

15	261078	Phan Nguyễn Thảo	My	09/11/2003	Nữ	9.30	Miễn Thi	
16	261079	Đặng Ngọc	Mỹ	19/08/1993	Nữ	6.44	86.00	
17	261080	Đặng Thị Phương	Hoa	11/08/1983	Nữ	5.59	50.00	
18	261081	Trương Khôi	Nguyễn	24/11/1988	Nam	7.57	50.00	
19	261082	Lê Thị Trang	Nhã	08/03/2001	Nữ	8.02	Miễn Thi	
20	261083	Nguyễn Lê Hoàng	Nhân	05/09/1998	Nam	7.07	61.50	
21	261084	Trần Huỳnh Thị Ý	Nhi	11/09/1995	Nữ	8.32	73.00	
22	261085	Nguyễn Văn	Phước	26/09/1994	Nam	6.81	87.00	
23	261086	Lương Minh	Quang	01/01/1998	Nam	6.89	86.00	
24	261087	Lê Trần Minh	Son	21/10/1991	Nam	7.86	83.00	
25	261088	Nguyễn Thị Cẩm	Suong	17/05/1982	Nữ	6.97	64.50	
26	261089	Nguyễn Ngọc	Tâm	28/05/1985	Nam	7.86	0.00	
27	261090	Hoàng Thị	Thanh	05/04/1995	Nữ	7.46	78.00	
28	261091	Nguyễn Huỳnh Thị Hoài	Thương	05/05/1998	Nữ	8.80	89.00	
29	261092	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	08/11/1998	Nữ	6.08	76.00	
30	261093	Phạm Kiều	Trinh	09/09/1997	Nữ	6.98	Miễn Thi	
31	261094	Huỳnh Ngọc	Tú	22/02/1986	Nam	6.06	50.00	
32	261095	Phạm Ngọc	Tươi	20/10/1992	Nam	7.03	69.00	
33	261096	Nguyễn Thị Phương	Uyên	17/09/2003	Nữ	7.94	Miễn Thi	
34	261097	Châu Minh	Vũ	15/10/1974	Nam	7.96	56.00	
35	261098	Trương Yến	Vũ	06/08/1999	Nữ	7.47	90.00	
36	261099	Quan Mẫn	Kỳ	20/11/2004	Nữ	7.30	Miễn Thi	

8. NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

STT	SỐ BẢO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261100	Đinh Quỳnh	Dan	Nữ	7.44	Vắng thi	
2	261101	Trần Ngô Thúy	Nga	Nữ	6.71	60.00	
3	261102	Lê Hoàng	Nhật	Nam	9.03	Miễn Thi	
4	261103	Võ Thị Ly	Sa	Nữ	7.51	89.00	
5	261104	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	7.64	Vắng thi	
6	261105	Trần Huyền	Trang	Nữ	9.01	92.00	
7	261106	Lê Văn	Tùng	Nam	7.44	Miễn Thi	

9. NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM XÉT TUYỂN	GHI CHÚ
1	261233	Phạm Quỳnh Anh	14/03/2003	Nữ	9.11	
2	261234	H Mai	04/03/2001	Nữ	6.95	
3	261235	Lê Minh	12/07/1985	Nam	6.77	
4	261236	Ngô Trí	12/04/1998	Nam	9.01	
5	261237	Lê Xuân	18/11/2001	Nam	7.56	
6	261238	Trịnh Thị Thu	05/07/2000	Nữ	6.90	
7	261239	Cù Mập K'	18/04/1985	Nữ	5.88	
8	261240	Nguyễn Thị Thu	27/11/2003	Nữ	8.51	
9	261241	Nguyễn Thị Thanh	02/02/1991	Nữ	7.22	
10	261242	Huỳnh Thị Ngọc	04/04/1991	Nữ	7.18	
11	261243	Nguyễn Lê Quốc	09/04/1993	Nam	8.20	
12	261244	Nguyễn Quốc	10/07/1977	Nam	6.02	
13	261245	Bùi Nguyễn Thảo	23/11/1999	Nữ	8.00	
14	261246	Nguyễn Thiên	27/02/1992	Nữ	6.77	
15	261247	Trần Gia	30/05/1998	Nam	7.30	
16	261248	Trương Thị Hồng	02/08/1994	Nữ	7.75	
17	261249	Nguyễn Thị Hương	08/07/1996	Nữ	7.78	
18	261250	Lê Thị Thanh	12/08/1981	Nữ	7.53	
19	261251	Phạm Tiến	28/12/1994	Nam	7.90	
20	261252	Võ Ngọc Bích	14/08/1995	Nữ	7.35	
21	261253	Lê Thanh Minh	15/04/1997	Nữ	7.20	
22	261254	Võ Thái Uyên	02/08/2002	Nữ	7.64	
23	261255	Trương Quỳnh	28/02/1995	Nữ	7.42	
24	261256	Phan Thanh Hồng	01/01/1997	Nữ	6.81	
25	261257	Nguyễn Thị Thu	11/04/1997	Nữ	8.53	
26	261258	Trần Hoàng	03/03/1989	Nữ	9.00	
27	261259	Đôn Phú	07/07/1997	Nam	8.50	
28	261260	Nguyễn Thanh	11/12/2003	Nữ	8.13	
29	261261	Trần Thị Minh	10/03/2003	Nữ	8.94	
30	261262	Nghiêm Thị Minh	17/09/2003	Nữ	8.17	
31	261263	Nguyễn Huỳnh Bảo	01/05/2003	Nữ	7.37	

32	261264	Võ Duy Tuấn	Tuấn	01/02/1998	Nam	7.93	
33	261265	Nguyễn Dương Cát	Uyên	03/05/1999	Nữ	7.28	
34	261266	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	01/01/2001	Nữ	6.40	
35	261267	Nguyễn Thị Xuân	Việt	20/04/1987	Nữ	6.80	

10. NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261209	Phạm Tuấn Anh	25/01/1986	Nam	5.86	75.50	
2	261210	Nguyễn Trọng Bình	05/11/1996	Nam	7.69	68.00	
3	261211	Lê Gia Công	29/04/1982	Nam	7.19	80.00	
4	261212	Nguyễn Nhật Minh	26/09/1994	Nam	8.32	<i>Vắng thi</i>	
5	261213	Võ Thành Danh	01/05/1995	Nam	7.08	77.00	
6	261214	Lê Thành Đạt	21/08/1996	Nam	6.54	80.00	
7	261215	Vũ Bá Đông	07/11/2002	Nam	8.52	<i>Miễn Thi</i>	
8	261216	Lương Đình Dũng	27/03/1984	Nam	6.05	80.00	
9	261217	Nguyễn Thị Diễm Hằng	20/12/1988	Nữ	7.39	<i>Miễn Thi</i>	
10	261218	Trần Quang Hậu	02/09/1997	Nam	7.53	84.00	
11	261219	Phạm Duy Hiệp	20/07/2003	Nam	7.70	<i>Miễn Thi</i>	
12	261220	Lê An Khang	09/01/1989	Nam	7.74	86.00	
13	261221	Nguyễn Trung Kiên	15/01/1997	Nam	5.50	71.50	
14	261222	Võ Lê Thanh Lâm	29/07/1994	Nam	8.47	90.00	
15	261223	Trần Thị Kim Loan	10/05/1985	Nữ	6.87	80.00	
16	261224	Nguyễn Bảo Long	14/12/2000	Nam	7.74	78.00	
17	261225	Nguyễn Thị Thu Mỹ	18/10/1987	Nữ	6.91	81.00	
18	261226	Đoàn Lê Công Nguyễn	15/10/1995	Nam	7.81	80.00	
19	261227	Trần Việt Nhân	09/03/1992	Nam	8.38	80.00	
20	261228	Tăng Thế Ngọc Song	30/09/2003	Nam	7.40	<i>Miễn Thi</i>	
21	261229	Trần Khánh Thiện	24/10/1979	Nam	5.38	71.00	
22	261230	Lê Phúc Nhã Thịnh	27/03/1988	Nam	6.74	<i>Vắng thi</i>	
23	261231	Lê Đăng Anh Tú	03/04/2003	Nam	7.79	<i>Vắng thi</i>	
24	261232	Nguyễn Quốc Việt	09/08/1983	Nam	5.84	77.00	

11. NGÀNH: KHOA HỌC CÂY TRỒNG

STT	SỐ BÁO	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261051	Bùi Đình	An	Nam	5.32	66.00	
2	261052	Võ Tấn	Đạt	Nam	5.05	76.00	
3	261053	Bùi Khắc	Duy	Nam	7.28	76.00	
4	261054	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	7.65	76.50	
5	261055	Bùi Thu	Hồng	Nữ	7.19	68.00	
6	261056	K'	Huy	Nam	6.60	50.00	
7	261057	Bùi Thanh	Long	Nam	7.55	70.00	
8	261058	Ngô Quang	Nhật	Nam	6.37	84.00	
9	261059	Nguyễn Chí	Phúc	Nam	6.27	Miễn Thi	
10	261060	Võ Minh	Tâm	Nam	7.07	68.50	
11	261061	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	7.27	66.00	
12	261062	Nguyễn Lê Minh	Triết	Nam	6.52	81.50	
13	261063	Lê Thị	Tươi	Nữ	7.63	Miễn Thi	

12. NGÀNH: LUẬT

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	261107	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	7.26	72.00	
2	261108	Phan Tuấn	Anh	Nam	8.41	Miễn Thi	
3	261109	Dư Ngọc Khánh	Băng	Nữ	7.47	Miễn Thi	
4	261110	Phạm Quốc	Bảo	Nam	6.51	Vắng thi	
5	261111	Bùi Thái	Bình	Nam	8.24	Miễn Thi	
6	261112	Lê Ngọc Thảo	Chi	Nữ	8.71	Miễn Thi	
7	261113	Bùi Hồng	Cường	Nam	6.96	Miễn Thi	
8	261114	Mai Đức	Cường	Nam	7.08	68.00	
9	261115	Phan Trọng	Đại	Nam	6.23	Miễn Thi	
10	261116	Nguyễn Việt	Đại	Nam	6.77	82.00	
11	261117	Ngô Minh	Đăng	Nam	6.20	50.00	
12	261118	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	6.60	Miễn Thi	

13	261119	Nguyễn Thủy	Dung	03/04/1990	Nữ	6.83	Miễn Thi	
14	261120	Đào Ngọc	Dung	24/07/2003	Nữ	8.21	72.00	
15	261121	Trần Nguyễn Thủy	Dung	20/12/2002	Nữ	7.98	72.00	
16	261122	Trương Văn	Dương	20/07/1986	Nam	6.59	50.50	
17	261123	Nguyễn Phan Hoàng	Duy	25/05/2000	Nam	7.30	63.00	
18	261124	Phan Minh	Duy	21/01/2003	Nam	7.77	Miễn Thi	
19	261125	Phạm Thị Kim	Duyên	08/10/1986	Nữ	6.89	Vắng thi	
20	261126	Nguyễn Ngọc Hoàng	Giang	04/10/1982	Nữ	6.22	Miễn Thi	
21	261127	Mai Thị Trúc	Giang	06/11/1999	Nữ	7.22	83.00	
22	261128	Trần	Hà	14/10/2002	Nam	7.30	59.50	
23	261129	Đinh Nguyễn Minh	Hà	10/01/1996	Nữ	7.08	74.00	
24	261130	Quách Thị Thu	Hằng	07/01/1985	Nữ	6.08	59.50	
25	261131	Lương Từ	Hào	26/02/2003	Nam	6.95	Miễn Thi	
26	261132	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/10/2001	Nữ	7.06	56.00	
27	261133	Lê Thủy	Hiền	01/01/2004	Nữ	7.56	Miễn Thi	
28	261134	Hoàng Thủy	Hiền	27/07/2003	Nữ	8.21	Miễn Thi	
29	261135	Nguyễn Thanh	Hiền	28/09/2003	Nữ	8.21	Miễn Thi	
30	261136	Lâm Thị Ngọc	Hiếu	09/10/1992	Nữ	7.34	Miễn Thi	
31	261137	Phạm Thị	Hoa	03/12/1997	Nữ	7.22	62.00	
32	261138	Hoàng Văn	Hung	09/10/1999	Nam	6.92	64.00	
33	261139	Hoàng Thị Lan	Hương	17/12/2001	Nữ	7.36	62.00	
34	261140	Lê Thị Ngọc	Hường	15/05/1987	Nữ	7.31	69.00	
35	261141	Võ Phúc	Hữu	11/06/2002	Nam	7.74	70.00	
36	261142	Võ Quang	Huy	04/01/2003	Nam	7.20	80.00	
37	261143	Thái Thị Mỹ	Huyền	05/02/2003	Nữ	8.67	Miễn Thi	
38	261144	Lê Thị Ngọc	Huyền	09/04/2001	Nữ	7.91	Miễn Thi	
39	261146	Nguyễn Đình Ngọc	Khải	17/03/1996	Nam	7.08	75.00	
40	261147	Trần Hữu	Khang	21/08/2001	Nam	7.67	50.50	
41	261148	Phan Trương Quốc	Khánh	29/03/2003	Nam	7.39	Miễn Thi	
42	261149	Quách Đăng	Khoa	07/01/2003	Nam	7.99	Miễn Thi	
43	261150	Trần Thái	Lâm	14/12/1990	Nam	6.17	74.00	
44	261151	Trần Thị Thanh	Liêm	10/10/1997	Nữ	8.30	95.00	
45	261152	Phạm Thị Bích	Liên	03/10/1983	Nữ	6.37	Vắng thi	
46	261153	Hoàng Thị Mỹ	Linh	26/01/2003	Nữ	8.61	Vắng thi	
47	261154	Võ Ngọc Hà	Linh	29/07/1995	Nữ	7.60	80.50	

48	261155	Lê Thị Thanh	Mai	10/10/2003	Nữ	7.70	Miễn Thi	
49	261156	Phan Vũ Hiền	Mai	14/08/2000	Nữ	7.28	68.00	
50	261157	Lưu Đức	Mạnh	05/02/2003	Nam	7.30	Miễn Thi	
51	261158	Vũ Ngọc	Minh	15/07/1999	Nam	6.26	71.00	
52	261159	Nguyễn Thanh	Nga	19/03/2003	Nữ	7.30	Miễn Thi	
53	261160	Lê Vũ Kim	Ngân	17/02/2001	Nữ	6.80	68.00	
54	261161	Cill Pam Kim	Ngân	06/07/2003	Nữ	8.19	Miễn Thi	
55	261162	Nguyễn Kim	Ngân	15/09/2003	Nữ	8.95	Miễn Thi	
56	261163	Lê Nguyễn Yên	Ngân	27/08/2000	Nữ	7.25	80.00	
57	261164	Đỗ Văn	Nghiêm	20/09/1991	Nam	7.80	Vắng thi	
58	261165	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/09/2003	Nữ	8.08	Miễn Thi	
59	261166	Phạm Khôi	Nguyễn	24/05/1999	Nam	7.72	86.00	
60	261167	Bùi Trọng	Nhân	26/11/1998	Nam	7.46	Vắng thi	
61	261168	Phạm Lâm Thảo	Nhi	13/04/2003	Nữ	7.13	Miễn Thi	
62	261169	Nguyễn Yên	Nhi	25/01/2002	Nữ	7.70	Miễn Thi	
63	261170	Trần Đào Hà	Như	14/10/2004	Nữ	7.89	Miễn Thi	
64	261171	Trần Thị Hà	Nhung	07/01/1994	Nữ	6.35	Vắng thi	
65	261172	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	14/05/2002	Nữ	8.44	Vắng thi	
66	261173	Lê Văn	Phuong	27/10/1992	Nam	7.66	Vắng thi	
67	261174	Lương Thị	Phuong	06/08/1989	Nữ	7.75	69.00	
68	261175	Nguyễn Văn	Quang	24/04/1986	Nam	5.85	50.00	
69	261176	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	08/12/2003	Nữ	8.21	Miễn Thi	
70	261177	Vân Thị Thu	Sang	24/12/1977	Nữ	6.38	Vắng thi	
71	261178	Bùi Công	Tài	28/06/1995	Nam	6.58	67.00	
72	261179	Ngô Vũ Minh	Tân	08/04/1993	Nam	7.19	68.00	
73	261180	Mai Tắt	Thái	25/08/1997	Nam	6.77	Miễn Thi	
74	261181	Nguyễn Hữu	Thắng	01/02/2002	Nam	7.17	69.00	
75	261182	Trần Thị	Thanh	17/04/1990	Nữ	6.34	Vắng thi	
76	261183	Phan Nguyễn Ngọc	Thành	10/11/2000	Nam	7.49	78.00	
77	261184	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	23/06/2003	Nữ	7.15	Miễn Thi	
78	261185	Nguyễn Trần Ngọc	Thảo	14/07/2002	Nữ	7.62	Miễn Thi	
79	261186	Trần Anh	Thị	23/11/1988	Nữ	5.81	Miễn Thi	
80	261187	Nguyễn Đình Hưng	Thịnh	03/02/2000	Nam	8.39	Miễn Thi	
81	261188	Hà Văn	Thơ	05/11/2003	Nam	7.01	68.00	
82	261189	Đậu Hoàng Anh	Thư	09/12/2003	Nữ	8.10	83.00	
83	261190	Mã Anh	Thư	30/11/2003	Nữ	7.39	Miễn Thi	

84	261191	Trần Thị Anh	Thư	30/08/1986	Nữ	7.90	59.00	
85	261192	Vân Thị Hoài	Thương	17/08/2002	Nữ	8.24	83.00	
86	261193	Nguyễn Cao Hoài	Thương	26/06/1998	Nữ	7.66	87.00	
87	261194	Cao Thị Minh	Thuy	05/11/1999	Nữ	7.28	Miến Thi	
88	261195	Triệu Thảo	Trang	14/03/2000	Nữ	7.32	83.00	
89	261196	Nguyễn Quang	Trung	12/05/1990	Nam	5.82	Miến Thi	
90	261197	Phạm Quốc	Trung	30/05/2003	Nam	6.83	Miến Thi	
91	261198	Nguyễn Mạnh	Tuân	30/04/1993	Nam	7.40	67.00	
92	261199	Trần Anh	Tuân	23/01/2000	Nam	6.00	71.00	
93	261200	Bùi Quang	Tuân	30/12/1985	Nam	7.65	72.00	
94	261201	Nguyễn Lý Xuân	Uyên	17/02/2000	Nữ	7.29	83.00	
95	261202	Phạm Đình Khánh	Uyên	06/09/2001	Nữ	8.35	85.00	
96	261203	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	28/02/2002	Nữ	8.50	Miến Thi	
97	261204	Trần Thị Hà	Vĩ	02/06/1987	Nữ	6.74	80.00	
98	261205	Nguyễn Thành	Vinh	06/09/2000	Nam	7.21	84.00	
99	261206	K'	Vĩnh	15/06/1984	Nam	6.54	70.00	
100	261207	Lê Thị Thanh	Vũ	20/04/1983	Nữ	6.30	Vắng thi	
101	261208	Nguyễn Thị	Yến	02/09/1991	Nữ	7.91	54.00	

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
 HIỆU TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 ĐÀ LẠT
 Mai Minh Nhật

30